

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, 2 Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 636/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2022, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” giữa:

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Ngọc B** - Sinh năm 1986. CCCD số 001086014xxx do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 02/05/2021.

- Chị **Lê Thị H** - Sinh năm 1988. CCCD số 038188002xxx do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 02/05/2021.

Cùng trú tại: Số 3C/42/175 đường L, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn ngày 03/02/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp và không tin tưởng lẫn nhau. Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Khánh D (Giới tính: Nam) - Sinh ngày 26/08/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Linh S (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 21/01/2016. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận như sau: Cháu D và cháu S sẽ do chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, anh B đồng ý.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H thống nhất tự thỏa thuận với nhau. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H thống nhất xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về chỗ ở mới sau ly hôn: Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H tự lo nơi ở mới sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí: Chị Lê Thị H tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh B nhất trí.

Xét thấy: Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 03/02/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa không còn hiệu lực kể từ ngày ra quyết định này.

- **Về con chung:** Xác nhận anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Khánh D (Giới tính: Nam) - Sinh ngày 26/08/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Linh S (Giới tính: Nữ) - Sinh ngày 21/01/2016. Khi ly hôn, giao chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và cháu S. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B đến khi có quyết định khác.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị H và những người thân trong gia đình chị H không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung:** Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, nên Tòa án không giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

- **Về chỗ ở mới sau ly hôn:** Anh Nguyễn Ngọc B và chị Lê Thị H tự lo nơi ở mới sau ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị H đã nộp tạm ứng lệ phí tại biên lai số AA/2020/0019063 ngày 08/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Cầu Giấy;
- Chi cục THADS Q.Cầu Giấy;
- UBND xã T, huyện T1;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lương